

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ.A, THÀNH PHỐ H.N

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, về “*tranh chấp ly hôn*”, giữa:

Nguyên đơn: chị C.T.M, sinh năm 1991; nơi cư trú: xóm Nhồi Trên, xã Cổ Loa, huyện Đ.A, Thành phố H.N. Căn cước công dân số 001191002128, cấp ngày 25/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Bị đơn: anh N.V.H, sinh năm 1983; nơi cư trú: xóm Thượng, xã Cổ Loa, huyện Đ.A, Thành phố H.N. Căn cước công dân số 027083000574, cấp ngày 04/05/2023 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 03 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 03 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị C.T.M và anh N.V.H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: xác nhận chị C.T.M và anh N.V.H có 01 con chung là C.N.A (nữ), sinh ngày 11/01/2024. Giao con chung C.N.A cho chị C.T.M trực tiếp nuôi dưỡng, mỗi tháng anh N.V.H có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) để cùng chị C.T.M nuôi con, kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh N.V.H có quyền, nghĩa vụ thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Chị C.T.M và anh N.V.H cùng xác nhận không có. Tòa không xét.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Chị C.T.M tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp tại Biên lai số BLTU/23/0017117 ngày 07/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.A, Thành phố H.N. Chị C.T.M được trả lại 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.A;
 - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.A;
 - UBND xã Cổ Loa, huyện Đ.A, thành phố H.N
- để ghi vào sổ hộ tịch: CNKH số 29/2023 ngày 31/03/2023;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Quang Chiều

